

KẾ HOẠCH

Thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành Công Thương giai đoạn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Nghệ An

Thực hiện Quyết định số 165/QĐ-TTg ngày 28/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Tái cơ cấu ngành Công Thương giai đoạn đến năm 2030. UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành Công Thương giai đoạn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Nghệ An như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa những quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành Công Thương giai đoạn đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 165/QĐ-TTg ngày 28/02/2023.

- Tạo sự nhất trí, đồng thuận cao trong nhận thức và hành động của các cấp chính quyền, đoàn thể và nhân dân trong tỉnh góp phần cùng cả nước thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ đã đề ra tại Quyết định số 165/QĐ-TTg ngày 28/02/2023 và Kế hoạch của UBND tỉnh, để phấn đấu hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Nghệ An đến năm 2030 và những năm tiếp theo.

2. Yêu cầu

- Kế hoạch phải phù hợp với các quan điểm, mục tiêu của Đề án Tái cơ cấu ngành Công Thương giai đoạn đến năm 2030, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 đã được thông qua.

- Đề ra được những nhiệm vụ trọng tâm, vận dụng sáng tạo, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tiễn của ngành Công Thương; xây dựng những giải pháp tổ chức thực hiện phù hợp, khả thi để thực hiện các mục tiêu đã đề ra.

- Tạo bước đột phá trong phát triển ngành Công Thương để cơ cấu lại nền kinh tế, nâng cao giá trị gia tăng lĩnh vực công nghiệp, thương mại; chuyển dịch cơ cấu kinh tế hợp lý trên cơ sở cải thiện trình độ phát triển các ngành, lĩnh vực, thành phần kinh tế.

- Lồng ghép các quy hoạch, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh vào triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ của Đề án. Nâng cao năng lực quản lý Nhà nước trong việc triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách nhằm đưa ngành công nghiệp, thương mại của tỉnh phát triển nhanh, bền vững, phù hợp với xu thế phát triển của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Các sở, ban ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố vào chức năng, nhiệm vụ được giao để triển khai thực hiện các hoạch một cách đồng bộ, kịp thời và hiệu quả.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tập trung tái cơ cấu đồng bộ trên tất cả các lĩnh vực ngành Công Thương, trong đó tận dụng tốt cơ hội của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, sử dụng vai trò động lực của khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh của ngành, tạo sự bứt phá và thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững lĩnh vực công nghiệp, thương mại trên địa bàn tỉnh giai đoạn đến năm 2030.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp bình quân giai đoạn 2021 – 2025 đạt 16,5% - 17%/năm; giai đoạn 2026 – 2030 đạt 17,5% - 18%/năm; tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng bình quân từ 14 - 15%/năm.

- Tỷ trọng công nghiệp, xây dựng trong GRDP đến năm 2030 chiếm khoảng 42,0 - 42,5%. Đóng góp của công nghiệp chiếm khoảng 28 - 29%, trong đó riêng công nghiệp chế biến, chế tạo đạt trên 24% GRDP tỉnh.

- Tỷ lệ khu công nghiệp (KCN), cụm công nghiệp (CCN) đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường 100%.

- Đảm bảo cân đối cung cầu về năng lượng với tỷ lệ tiêu hao năng lượng tính trên đơn vị GDP giảm 1 - 1,5%/năm.

- Tốc độ tăng trưởng bình quân kim ngạch xuất khẩu hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030 tăng khoảng 22,3%/năm. Kim ngạch xuất khẩu năm 2025 đạt 4,0 tỷ USD và năm 2030 đạt 9,0 tỷ USD.

- Tốc độ tăng trưởng bình quân của tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng giai đoạn 2021 - 2030 đạt khoảng từ 11 - 12%.

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Về tái cơ cấu ngành công nghiệp

1.1. Tập trung phát triển ngành công nghiệp theo hướng hiện đại, phát huy vai trò động lực của khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của ngành phù hợp với tiềm năng lợi thế so sánh của tỉnh, sử dụng công nghệ sạch, thân thiện với môi trường. Chuyển dịch mô hình tăng trưởng công nghiệp từ chiều rộng sang kết hợp chiều rộng và chiều sâu theo hướng ưu tiên chuyển dịch các ngành thâm

dụng tài nguyên, lao động sang phát triển các ngành thâm dụng vốn và công nghệ, các ngành công nghiệp xanh; chuyển dịch từ các công đoạn có giá trị gia tăng thấp lên các công đoạn có giá trị gia tăng cao trong chuỗi giá trị toàn cầu và khu vực. Chú trọng phát triển các doanh nghiệp trong nước đủ khả năng tham gia vào chuỗi cung ứng các ngành công nghiệp để giảm phụ thuộc vào nhập khẩu máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu và tăng cường tính tự chủ của ngành công nghiệp. Phấn đấu đến năm 2030, ngành công nghiệp chiếm khoảng 28 - 29% GRDP tỉnh.

1.2. Cơ cấu lại các ngành công nghiệp theo hướng ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp có tiềm năng, lợi thế và phù hợp với xu thế phát triển, tạo giá trị gia tăng cao, có tác động lan tỏa và trở thành ngành kinh tế có đóng góp quan trọng vào tăng trưởng GRDP, thu ngân sách và tạo công ăn việc làm.

a) Tập trung phát triển ngành công nghiệp điện tử, viễn thông:

- Ưu tiên phát triển công nghiệp điện tử, viễn thông tạo bước đột phá nhằm hình thành năng lực sản xuất mới gắn liền với khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Đẩy mạnh thu hút đầu tư các dự án sản xuất, lắp ráp thiết bị, linh kiện điện tử dùng trong sản xuất và dân dụng; thiết bị và linh kiện thông tin; viễn thông; máy tính; sản xuất phần mềm; nội dung thông tin số, nghiên cứu công nghệ thông tin, các thiết bị số,...

- Thu hút các doanh nghiệp, tập đoàn đầu tư vào lĩnh vực lắp ráp thiết bị điện tử, sản xuất linh kiện điện tử (nhựa, linh kiện cao su, chi tiết cơ - điện tử, linh kiện kính, pin máy tính xách tay, điện thoại di động; linh kiện điện - điện tử, ngành công nghiệp ô tô,..), sản xuất các thiết bị công nghệ thông tin tại các KCN thuộc Khu kinh tế Đông Nam (KCN đô thị và dịch vụ VSIP Nghệ An; KCN WHA Industrial Zone 1 - Nghệ An; KCN Hoàng Mai I, II; KCN Thọ Lộc - Giai đoạn 1) và một số CCN thuộc khu vực đồng bằng.

b) Đẩy mạnh phát triển ngành công nghiệp cơ khí, ô tô:

- Chuyển dịch cơ cấu và đa dạng hoá sản phẩm của ngành công nghiệp cơ khí, đảm bảo cung ứng cho nhu cầu thị trường trong tỉnh và trong nước, ưu tiên phát triển các lĩnh vực: Sản xuất và lắp ráp ô tô, xe tải, phụ tùng xe ô tô các loại, máy móc, thiết bị phục vụ nông nghiệp, thiết bị xây dựng, thiết bị phụ trợ sản xuất xi măng và phụ tùng máy móc khai thác,... Hình thành và phát huy hiệu quả các KCN, CCN tập trung thành các tổ hợp sản xuất hoàn chỉnh quy mô lớn, có tính chuyên môn hoá cao với việc tăng cường công tác bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Tập trung thu hút đầu tư và lựa chọn đối tác chiến lược có tiềm năng về công nghệ, tài chính và thương hiệu mạnh đầu tư vào các dự án sản xuất và lắp ráp xe tải các loại, xe buýt để đáp ứng nhu cầu rất lớn vận chuyển hàng hóa và hành khách trên địa bàn tỉnh Nghệ An và các tỉnh trong khu vực. Hình thành các

cơ sở sản xuất, lắp ráp các loại xe máy, xe điện, xe máy điện, các loại linh kiện, phụ tùng để tăng khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp vừa và nhỏ,...

- Đầu tư hiện đại hóa thiết bị và công nghệ, nâng cao năng lực chế tạo, cải tiến mẫu mã, tính năng hoạt động đối với các loại động cơ diesel cỡ trung và cỡ nhỏ, động cơ xăng công suất vừa và nhỏ, đáp ứng yêu cầu của sản xuất và chế biến sản phẩm nông nghiệp.

- Tập trung đầu tư phát triển các dự án công nghiệp hỗ trợ ngành cơ khí công nghệ cao: Các loại khuôn mẫu có độ chính xác cao; Các loại chi tiết cơ khí tiêu chuẩn chất lượng cao (đai ốc, bu-lông, ốc vít có độ chính xác cao) dùng cho các thiết bị điện tử, cơ điện tử, điện tử y tế, rô-bốt công nghiệp tại các KCN trong Khu kinh tế Đông Nam của tỉnh.

c) Phát triển ngành công nghiệp chế biến theo hướng gắn với quy hoạch vùng nguyên liệu nông nghiệp công nghệ cao:

- Tiếp tục phát triển ngành công nghiệp chế biến gắn với quy hoạch vùng nguyên liệu và các mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Tập trung vào những sản phẩm chủ lực như ván MDF, HDF, gỗ ghép thanh, tre ghép, sữa chế biến, thực phẩm, chế biến nước trái cây, chế biến rau quả,... Mở rộng quy mô phát triển để khai thác hiệu quả tiềm năng thị trường xuất khẩu gắn liền với việc nâng cao trình độ công nghệ sản xuất, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đảm bảo sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguyên vật liệu và năng lượng, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và phát thải khí nhà kính.

- Hình thành một số tổ hợp sản xuất chế biến nông sản công nghệ cao trên cơ sở áp dụng các thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến và quản lý hiện đại, kết hợp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với công nghiệp chế biến hiện đại khu vực các huyện dọc đường mòn Hồ Chí Minh; chế biến lâm sản gắn với Khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao khu vực Bắc Trung Bộ tại tỉnh Nghệ An.

- Nghiên cứu sản xuất và cung cấp các sản phẩm công nghiệp Halal đáp ứng các tiêu chuẩn cao về vệ sinh an toàn thực phẩm và môi trường để khai thác tiềm năng thị trường các quốc gia Hồi giáo.

d) Cơ cấu lại ngành công nghiệp dệt may, da giày:

- Phát triển ngành dệt may, da giày vào các khâu tạo giá trị gia tăng cao trong chuỗi giá trị nhằm nâng cao sức cạnh tranh quốc tế, dựa trên tăng cường cải tiến quy trình và công nghệ sản xuất thông minh, tự động hoá, sản xuất “xanh”. Tập trung vào nhóm sản phẩm công nghiệp hỗ trợ như: Sợi, mũ giày, dệt vải (không có công đoạn nhuộm), thiết bị ngành may, nguyên phụ liệu khác (kim, chỉ may, cúc áo, khóa kéo,...); các sản phẩm may mặc theo hình thức FOB, ODM,...

- Phân bố các doanh nghiệp dệt may, da giày ở các KCN, CCN thuận lợi về nguồn cung cấp lao động, giao thông, hạ tầng dịch vụ logistics,... để đảm

bảo cho ngành phát triển bền vững, hiệu quả trên cơ sở công nghệ hiện đại; hệ thống quản lý chất lượng, lao động, môi trường theo các chuẩn mực quốc tế.

đ) Phát triển các sản phẩm vật liệu xây dựng sử dụng công nghệ mới, các loại vật liệu mới:

Khuyến khích đầu tư ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại theo hướng vật liệu xây dựng thông minh, vật liệu xanh, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả, bảo vệ môi trường, đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và đủ khả năng xuất khẩu; thu hút đầu tư vào các nhóm sản phẩm chủ lực như gạch ốp lát tấm lớn, gạch không nung, ngói màu, thiết bị vệ sinh cao cấp, đá ốp lát, tấm thạch cao, các sản phẩm sử dụng công nghệ mới như: Kính xây dựng, kính cường lực, vật liệu composit, tấm ốp các loại, cửa uPVC và cửa nhôm, sơn cao cấp có khả năng kháng diệt khuẩn; vật liệu ốp lát ngoại thất có bề mặt chống thấm cao, chống bám dính, có khả năng tự làm sạch, ngăn ngừa sự phát triển của rêu mốc, các loại kính tiết kiệm năng lượng.

e) Đối với ngành công nghiệp sản xuất hóa chất, dược phẩm:

- Quy hoạch vùng trồng tập trung các cây dược liệu để cung cấp nguyên liệu đảm bảo thu hút đầu tư các nhà máy chế biến dược phẩm, thực phẩm chức năng để khai thác tiềm năng về trồng và chế biến nguồn nguyên liệu dược ở các huyện miền núi tỉnh Nghệ An và đáp ứng nhu cầu rất lớn về thuốc chữa bệnh. Thu hút các cơ sở công nghiệp dược để tạo đòn bẩy hình thành chuỗi sản phẩm dược trong tỉnh, mang lại giá trị cao trong cơ cấu kinh tế nông thôn miền núi.

- Phát triển các loại hóa chất phục vụ đầu vào cho các ngành công nghiệp với công nghệ tiên tiến. Mở rộng sản xuất các sản phẩm mới phục vụ nhu cầu các ngành công nghiệp, nông nghiệp, chế biến thủy sản và nhu cầu dân dụng trên địa bàn tỉnh Nghệ An và các vùng lân cận.

f) Đối với ngành công nghiệp khai khoáng:

Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ hiện đại; chi ưu tiên nhà đầu tư mới khai thác, chế biến sâu với quy mô công nghiệp đối với các loại khoáng sản có trữ lượng lớn như đá vôi trắng, đá xẻ ốp lát.

g) Đối với ngành công nghiệp môi trường:

Đẩy mạnh xã hội hóa thu hút các thành phần kinh tế tham gia ngành công nghiệp môi trường nhằm đa dạng hóa các nguồn lực đầu tư đảm bảo khả năng cung cấp các công nghệ, thiết bị, dịch vụ, sản phẩm môi trường nhằm ngăn ngừa, xử lý, kiểm soát ô nhiễm, khắc phục suy thoái, hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường.

h) Đối với công nghiệp hỗ trợ:

Khuyến khích các doanh nghiệp trong nước phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ để tham gia vào chuỗi sản xuất của các doanh nghiệp, tập đoàn FDI và nâng

cao tỷ lệ nội địa hóa, đặc biệt đối với những nhóm ngành: Điện tử, công nghệ thông tin; cơ khí, lắp ráp; dệt may, da giày; hóa chất, dược phẩm; công nghiệp công nghệ cao.

i) **Đẩy mạnh phát triển công nghiệp nông thôn:**

Tăng cường các hoạt động khuyến công, tập trung hỗ trợ xây dựng các mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và ứng dụng máy móc tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật để tạo ra các sản phẩm đặc trưng sử dụng nguồn nguyên liệu địa phương, đáp ứng nhu cầu khách du lịch.

1.3. Cơ cấu lại không gian phát triển công nghiệp hợp lý gắn với kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường phù hợp với đặc thù của từng vùng, địa phương.

- Phát triển công nghiệp với khu vực trọng tâm là Khu kinh tế Đông Nam mở rộng gắn với quy hoạch khu vực Nam Thanh Hoá - Bắc Nghệ An và Nam Nghệ An - Bắc Hà Tĩnh, thu hút đầu tư phát triển các ngành sử dụng công nghệ cao: Công nghiệp điện tử và công nghệ thông tin; công nghiệp cơ khí chế tạo, sản xuất và lắp ráp ô tô; sản xuất vật liệu mới; công nghiệp hỗ trợ.

- Vùng đồng bằng và khu vực bán sơn địa gắn với hành lang kinh tế Quốc lộ 7 với lực lượng lao động dồi dào, quy hoạch phát triển hệ thống các CCN phù hợp để thu hút phát triển các ngành: Sản xuất linh phụ kiện điện tử; sản xuất hàng may mặc, da giày, hàng gia dụng và công nghiệp hỗ trợ ngành dệt may, da giày; công nghiệp hoá chất và hỗ trợ ngành hóa chất, các chế phẩm sinh học; chế biến thực phẩm, đồ uống; vật liệu xây dựng dân dụng sử dụng công nghệ mới; các sản phẩm phục vụ sinh hoạt như thiết bị văn phòng, cơ điện lạnh;...

- Các huyện miền Tây dọc tuyến đường Hồ Chí Minh và vùng phụ cận với lợi thế đất đai rộng lớn, tài nguyên rừng và nguyên liệu tại chỗ dồi dào: Quy hoạch các CCN để thu hút phát triển một số ngành công nghiệp: Chế biến nông sản, lâm sản, thực phẩm gắn với vùng nguyên liệu cây, con để hình thành chuỗi giá trị nông sản khép kín (sữa, nước trái cây, chế biến gỗ, cao su, chế biến súc sản); các sản phẩm đầu vào ngành nông nghiệp (vật tư, phân bón, thức ăn gia súc); sản xuất máy nông nghiệp; ngành may mặc, da giày và nguyên phụ liệu ngành dệt may, da giày; sản xuất các loại vật liệu xây dựng thông thường;...

- Khu vực miền núi gắn với hành lang kinh tế QL7A và QL48A đẩy mạnh phát triển tiểu thủ công nghiệp, xây dựng làng nghề gắn với du lịch tập trung vào các lĩnh vực: Chế biến nông sản, lâm sản, thực phẩm; chế biến dược phẩm gắn với trồng cây dược liệu dưới tán rừng; sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ;... để nâng cao giá trị gia tăng và đảm bảo tiêu thụ nguyên liệu ổn định cho người dân.

2. Về tái cơ cấu ngành năng lượng

2.1. Đa dạng hóa phát triển nguồn cung năng lượng trên địa bàn tỉnh; xây dựng cơ sở hạ tầng năng lượng đồng bộ, hiện đại. Tổ chức thực hiện nghiêm

túc, hiệu quả quy hoạch và kế hoạch phát triển nguồn điện. Đảm bảo cân đối cung cầu điện phù hợp với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong từng thời kỳ. Huy động tối đa mọi nguồn lực xã hội đầu tư phát triển ngành điện.

2.2. Đảm bảo vận hành hệ thống truyền tải phân phối điện an toàn, tin cậy và hiệu quả. Nâng cao chất lượng cung cấp điện, đảm bảo cung cấp điện an toàn, liên tục đáp ứng tốt nhu cầu của sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt. Phát triển mạng lưới cấp điện trên địa bàn tỉnh phù hợp với Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt.

2.3. Phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo và các nguồn năng lượng mới như pin nhiên liệu hydro, khí hóa lỏng LNG, điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối phù hợp với Quy hoạch điện VIII và Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt.

2.4. Tăng cường thực hiện các biện pháp nhằm sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

3. Về tái cơ cấu lĩnh vực xuất nhập khẩu

3.1. Tập trung ưu tiên phát triển xuất khẩu các mặt hàng có quy mô xuất khẩu lớn, lợi thế cạnh tranh cao, chú trọng mở rộng xuất khẩu đối với các sản phẩm có hàm lượng chế biến sâu, công nghệ cao, có giá trị gia tăng lớn, đáp ứng tiêu chuẩn cao về chất lượng và phát triển bền vững của các thị trường, phấn đấu hoàn thành mục tiêu kim ngạch xuất khẩu đến năm 2025 đạt 4,0 tỷ USD (theo mục tiêu Đề án Phát triển xuất khẩu tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2025 được phê duyệt) và đến năm 2030 đạt 7,0 tỷ USD, trong đó:

- Nhóm hàng công nghiệp chế biến, chế tạo: Tiếp tục khai thác có hiệu quả tiềm năng thị trường gắn với chuyển dịch cơ cấu theo hướng tăng tỷ trọng xuất khẩu hàng công nghiệp chế biến lên 95% vào năm 2030, giảm tỷ trọng xuất khẩu các sản phẩm thô. Các nhóm sản phẩm xuất khẩu chủ lực bao gồm: Linh kiện điện tử; thiết bị điện các loại; dệt may, da giày; nông sản chế biến; gỗ và sản phẩm gỗ; vật liệu xây dựng; bao bì các loại;...

- Nhóm hàng mới dự kiến: Phát triển các mặt hàng xuất khẩu mới, tạo sự đột phá như các sản phẩm Halal sang các thị trường Hồi giáo, sản phẩm Kosher sang thị trường Do thái; các loại hàng hóa xanh và tuần hoàn, thân thiện môi trường và khí hậu, hàng hoá môi trường và các bon thấp (*sản phẩm sữa các loại, nước hoa quả, sản phẩm chè, thực phẩm đóng hộp*);...

3.2. Rà soát các mặt hàng mới có kim ngạch hiện nay còn thấp nhưng có tiềm năng tăng trưởng cao trong thời gian tới để có các chính sách khuyến khích phát triển, tạo sự đột phá trong xuất khẩu phấn đấu hoàn thành mục tiêu về giá trị xuất khẩu đến năm 2030.

3.3. Tăng cường đa dạng hóa thị trường xuất khẩu để không phụ thuộc quá lớn vào một số thị trường và giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực từ các cuộc

xung đột thương mại. Phần đầu tăng tỷ trọng xuất khẩu thị trường Châu Âu lên 20%, thị trường Hoa Kỳ lên 25% vào năm 2030. Chú trọng phát triển xuất khẩu qua thương mại điện tử xuyên biên giới, hệ thống phân phối nước ngoài. Vận dụng các Hiệp định FTAs thế hệ mới và hoạt động đối ngoại của tỉnh để đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ, khai thác tối đa các nguồn hàng trong và ngoài tỉnh để gia tăng giá trị xuất khẩu.

3.4. Đa dạng hóa thị trường nhập khẩu, đặc biệt là thị trường nhập khẩu nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất, hạn chế phụ thuộc lớn vào một thị trường; ưu tiên nhập khẩu máy móc, thiết bị, vật tư đầu vào được tạo ra từ công nghệ cao, công nghệ tiên tiến mà trong nước chưa sản xuất được; trong đó chú trọng nhập khẩu từ Liên minh Châu Âu, Hoa Kỳ, Nhật Bản các công nghệ tiên tiến gắn với việc chuyển giao công nghệ, bí quyết kỹ thuật công nghệ.

3.5. Phát triển đồng bộ và hiệu quả hệ thống hạ tầng logistic phục vụ xuất nhập khẩu.

3.6. Hình thành được hệ thống các doanh nghiệp xuất khẩu lớn, có năng lực cạnh tranh toàn cầu.

4. Về tái cơ cấu thị trường trong nước, trong tỉnh

4.1. Phát triển nhanh, bền vững thị trường trong nước kết nối liền mạch với thị trường xuất nhập khẩu nhằm đảm bảo không gian thị trường cho các ngành sản xuất trong nước và nâng cao nội lực của nền kinh tế trên cơ sở mở rộng tiêu dùng nội địa gắn với phát triển thương hiệu hàng Việt Nam. Ưu tiên phát triển các mô hình kinh tế tiêu dùng mới như kinh tế chia sẻ, kinh tế đêm, kinh tế du lịch, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số, thương mại điện tử,...

4.2. Tăng cường kết nối hiệu quả giữa sản xuất và thị trường theo chuỗi cung ứng nhằm ổn định cung cầu, giá cả hàng hóa và nguồn gốc xuất xứ. Thực hiện nhất quán quản lý chất lượng hàng hóa lưu thông trong nước bằng các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phù hợp với thông lệ quốc tế; triển khai áp dụng truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa. Hình thành và phát triển các chuỗi cung ứng hàng hóa tiêu dùng trong nước, ưu tiên phát triển các chuỗi cung ứng hàng nông sản thực phẩm thiết yếu.

4.3. Phát triển các trung tâm tiêu dùng theo vùng và địa bàn, gắn phát triển các trung tâm mua sắm với các trung tâm du lịch, các địa bàn tập trung sản xuất công nghiệp và dịch vụ; ưu tiên phát triển thị trường nông thôn, miền núi, khu vực biên giới, cửa khẩu. Trong đó:

a) Phát triển hệ thống chợ:

Phát triển hệ thống chợ dân sinh trên địa bàn tỉnh theo hướng văn minh hiện đại, chú trọng yếu tố truyền thống và yếu tố tự nhiên trong quy hoạch phát triển chợ dân sinh. Xây dựng hệ thống và cơ chế quản lý chợ đảm bảo chặt chẽ, hiệu quả, tạo điều kiện để nhiều thành phần tham gia công tác quản lý chợ như:

Nhà nước, hợp tác xã, doanh nghiệp để có điều kiện đầu tư phát triển chợ đảm bảo vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm, đáp ứng nhu cầu giao thương phục vụ sản xuất, tiêu dùng ở địa phương. Chỉ phát triển thêm chợ ở những địa bàn chưa có chợ nhưng nhu cầu trao đổi hàng hóa của người dân cao, bố trí gần các khu vực tập trung dân cư ở địa bàn nông thôn, miền núi, không quy hoạch mới tại khu vực đô thị. Nâng cấp, cải tạo mở rộng, xây mới và ổn định mạng lưới chợ theo quy hoạch, từng bước xóa bỏ chợ tạm, chợ tự phát, chợ không có nhu cầu sử dụng hoặc hoạt động không hiệu quả, di dời các chợ có vị trí, địa điểm không phù hợp với định hướng phát triển kinh tế xã hội, tiềm ẩn các nguy cơ về mất an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn giao thông, vệ sinh môi trường. Huy động các nguồn vốn đầu tư phát triển hệ thống chợ biên giới đáp ứng nhu cầu sử dụng, cụ thể:

- Khu vực đô thị bao gồm thành phố Vinh, thị xã Cửa Lò, thị xã Thái Hòa, thị xã Hoàng Mai:

+ Từng bước xóa bỏ chợ tạm, chợ tự phát, bổ sung và phát triển chợ hạng 1, hạng 2 trên cơ sở nâng cấp từ chợ hạng 3 hoặc chợ xây mới hoàn toàn, giữ vai trò hạt nhân, đáp ứng nhu cầu hình thành các khu thương mại dịch vụ tổng hợp trên địa bàn.

+ Tập trung nâng cấp phát triển các loại hình thương mại hiện đại kết hợp với chợ trên cơ sở xây mới và nâng cấp các chợ cũ.

- Khu vực các huyện đồng bằng và ven biển: Quỳnh Lưu, Diễn Châu, Yên Thành, Đô Lương, Nam Đàn, Nghi Lộc, Hưng Nguyên:

+ Nâng cấp, cải tạo mở rộng, xây mới và ổn định mạng lưới chợ theo quy hoạch nhằm tăng cường công năng của chợ, cải thiện điều kiện cơ sở hạ tầng đảm bảo phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường, an toàn vệ sinh thực phẩm, phát triển các loại hình dịch vụ phục vụ hoạt động mua bán tại chợ, nhất là các chợ hạng 3.

+ Các chợ hiện đại sẽ được phát triển ở khu vực trung tâm huyện, khu dân cư đông đúc trên cơ sở xây mới hoặc nâng cấp cải tạo các chợ cũ.

+ Xây dựng 01 chợ nông sản tại xã Hưng Lợi, huyện Hưng Nguyên từng bước phát triển thành chợ đầu mối nông sản.

+ Xây dựng 01 chợ đầu mối nông sản tại xã Diễn Ngọc, huyện Diễn Châu.

- Khu vực các huyện miền núi (Tây Bắc: Quế Phong, Quỳnh Châu, Quỳnh Hợp, Nghĩa Đàn, Tân Kỳ; Tây Nam: Kỳ Sơn, Tương Dương, Con Cuông, Anh Sơn, Thanh Chương): Nâng cấp, cải tạo 06 chợ theo Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2022 - 2025.

b) Việc phát triển mạng lưới siêu thị về số lượng và quy mô không chỉ xuất phát từ nhu cầu tiêu dùng của cư dân tỉnh Nghệ An ở từng khu vực, mà còn phải tính đến cả nhu cầu mua sắm của khách du lịch trong nước, quốc tế và khách vãng lai; đa dạng về loại hình, quy mô và phương thức kinh doanh. Đồng thời, việc phát triển mạng lưới siêu thị phải đảm bảo sự cân đối, cấu trúc hài hoà với các loại hình thương mại bán lẻ hiện đại khác như chợ, trung tâm mua sắm, cửa hàng bách hoá, cửa hàng chuyên doanh, cửa hàng tiện lợi ở các khu dân cư. Phân bố mạng lưới siêu thị đảm bảo bán kính và không gian phục vụ của từng quy mô siêu thị để vừa thu hút được khách hàng, vừa đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng của các đối tượng khách hàng, tránh cạnh tranh quá mức ở từng khu vực làm giảm hiệu quả kinh doanh của các siêu thị; đồng thời phải phù hợp với quy hoạch phát triển đô thị của tỉnh Nghệ An.

c) Phát triển trung tâm thương mại:

- Trung tâm thương mại là loại hình tổ chức thương mại hiện đại chủ yếu tại các khu vực đô thị phát triển. Phân bố mạng lưới trung tâm thương mại phải phù hợp với quy hoạch phát triển tổng thể đô thị của tỉnh; đảm bảo sự phát triển đồng bộ của kết cấu hạ tầng kỹ thuật; phát triển trung tâm thương mại tại khu vực thành phố Vinh, các thị xã, khu vực cửa khẩu được xem là các trụ cột thương mại chính của tỉnh.

- Phát triển trung tâm thương mại đa dạng loại hình dịch vụ, trong đó quan tâm các hoạt động giao dịch, xúc tiến thương mại và đầu tư, cung cấp các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh cho các doanh nghiệp thương mại trong tỉnh, đặc biệt cần có các khu trưng bày, giới thiệu và bán buôn, bán lẻ các sản phẩm nổi bật của tỉnh.

d) Ưu tiên phát triển chuỗi cửa hàng tiện ích trên cả tỉnh phù hợp với nhu cầu tiêu dùng và phải gắn với công tác quản lý đô thị và trật tự đô thị, đảm bảo hệ thống các cửa hàng bán lẻ tổng hợp phát triển có hệ thống, đảm bảo quy hoạch.

4.4. Phát triển thương mại điện tử thành một kênh phân phối quan trọng, hỗ trợ tích cực trong tiêu thụ hàng hóa, đặc biệt là hàng hóa nông sản, hàng công nghiệp tiêu dùng; ưu tiên phát triển hệ thống các sàn giao dịch thương mại điện tử kết nối với sàn giao dịch thương mại điện tử lớn của cả nước. Tập trung thực hiện có hiệu quả Kế hoạch thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 đã được phê duyệt; tiếp tục nghiên cứu xây dựng, triển khai Kế hoạch phát triển thương mại điện tử đến giai đoạn 2026 - 2030.

4.5. Đổi mới phương thức và nâng cao hiệu quả hoạt động của lực lượng quản lý thị trường. Chú trọng công tác xây dựng và phát triển lực lượng quản lý thị trường trong sạch, vững mạnh. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác quản lý thị trường; phối hợp chặt chẽ với các lực lượng chức năng, các hiệp hội để công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả đạt hiệu quả cao nhất; thực hiện tốt công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng tại địa phương.

5. Hội nhập kinh tế quốc tế

5.1. Triển khai thực hiện hội nhập kinh tế có trọng tâm, trọng điểm theo hướng ưu tiên hợp tác quốc tế chuyển giao công nghệ hiện đại, công nghệ xanh, thúc đẩy phát triển các ngành, lĩnh vực công nghiệp công nghệ cao, các ngành, lĩnh vực ưu tiên của tỉnh như công nghiệp năng lượng, chế biến sâu nông sản - thủy sản, điện tử, công nghiệp xanh, công nghiệp môi trường,... nâng cao khả năng tham gia của các doanh nghiệp vào mạng lưới sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu.

5.2. Kết hợp hài hòa giữa hội nhập bên ngoài với đẩy mạnh hội nhập bên trong theo hướng tập trung thực thi các cam kết trong hội nhập kinh tế quốc tế nhằm cải cách nền kinh tế theo hướng thị trường đầy đủ. Nâng cao năng lực hội nhập cho các ngành, lĩnh vực và doanh nghiệp để khai thác một cách hiệu quả các lợi ích từ hội nhập. Gắn kết hội nhập với thực thi định hướng phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, các ngành, lĩnh vực và doanh nghiệp, đảm bảo phát triển bền vững.

5.3. Đẩy mạnh hội nhập toàn diện và bền vững thông qua tăng cường hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và các vấn đề về xã hội như lao động, công đoàn,... Tích cực góp phần củng cố và nâng cao vai trò kinh tế trong cộng đồng khu vực và quốc tế, không phụ thuộc vào một số thị trường, đối tác nhất định.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách và môi trường kinh doanh trở thành động lực cho thực hiện đổi mới mô hình tăng trưởng, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và số hóa nhằm nâng cao năng suất, chất lượng của ngành Công Thương

1.1. Lĩnh vực công nghiệp.

- Cụ thể hóa và thể chế hóa các chủ trương của Bộ, ngành Trung ương, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về phát triển công nghiệp, thương mại trên địa bàn tỉnh đến năm 2030.

- Triển khai có hiệu quả phương án phát triển lĩnh vực công nghiệp trong Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt; đẩy mạnh triển khai hiệu quả các chính sách, chương trình, đề án, kế hoạch lĩnh vực phát triển công nghiệp: Chính sách hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh; Chính sách hỗ trợ phát triển CCN, tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh; Chương trình khuyến công địa phương,... để hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất, nâng cao năng lực sản xuất, góp phần thúc đẩy phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Rà soát các tiêu chí để cơ cấu lại danh mục các lĩnh vực, dự án công nghiệp nhằm tập trung xây dựng cơ chế, chính sách ưu tiên, ưu đãi và bố trí

nguồn lực theo cơ chế đặc thù, phù hợp với điều kiện của tỉnh và chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- Nghiên cứu, rà soát đề xuất ban hành các chiến lược, kế hoạch, đề án, chính sách phát triển công nghiệp nói chung và các ngành công nghiệp có tiềm năng, lợi thế trên địa bàn tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; nghiên cứu, đề xuất ban hành chính sách ưu tiên, khuyến khích phát triển ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghệ mới, công nghiệp điện tử, công nghiệp chế tạo thông minh,...; tổ chức triển khai các hoạt động hỗ trợ phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Tập trung hỗ trợ, khuyến khích các doanh nghiệp đổi mới, ứng dụng thiết bị công nghệ tiên tiến vào sản xuất để sản xuất sản phẩm có chất lượng, nâng cao giá trị gia tăng các sản phẩm công nghiệp; xây dựng lộ trình về đổi mới công nghệ và hiện đại hóa, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu ngành; hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia vào các chuỗi giá trị sản xuất trong nước, khu vực và thế giới để nâng cao giá trị gia tăng và giá trị xuất khẩu công nghiệp.

- Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới Quy chế quản lý CCN trên địa bàn tỉnh và các cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển CCN theo hướng khuyến khích doanh nghiệp đầu tư xây dựng hạ tầng CCN; tập trung phát triển hoàn thiện đồng bộ kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hệ thống xử lý nước thải các KCN và CCN phục vụ nhu cầu đầu tư phát triển công nghiệp; tăng cường liên kết phát triển công nghiệp, CCN, cụm ngành công nghiệp chuyên môn hóa của địa phương với các địa phương khác trong vùng và liên vùng.

1.2. Lĩnh vực năng lượng.

- Triển khai thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Triển khai các chính sách về năng lượng trên địa bàn tỉnh đảm bảo phù hợp với các Chiến lược, Quy hoạch phát triển ngành quốc gia. Thu hút đầu tư các dự án nguồn điện theo quy hoạch và kế hoạch đã được phê duyệt. Trong đó ưu tiên khai thác, sử dụng hiệu quả các nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới, năng lượng sạch và chú trọng việc phát triển nhiệt điện khí sử dụng LNG.

- Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án trọng điểm nguồn và lưới điện góp phần gia tăng giá trị sản xuất và đảm bảo cung ứng đủ điện cho sản xuất và sinh hoạt.

- Đẩy mạnh triển khai các hoạt động về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh và dân sinh trên địa bàn.

- Nghiên cứu xây dựng chuyên đổi số trong ngành năng lượng. Số hóa các hoạt động tiếp cận năng lượng và cung cấp dịch vụ cho khách hàng; các hoạt động quản lý, vận hành hệ thống năng lượng.

1.3. Lĩnh vực xuất nhập khẩu

- Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Đề án Phát triển xuất khẩu tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2025, Đề án Hội nhập kinh tế quốc tế tỉnh Nghệ An đến năm 2025, Kế hoạch nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ Logistics trên địa bàn tỉnh Nghệ An,...; Rà soát ban hành chiến lược, kế hoạch, đề án phát triển xuất nhập khẩu đối với một số ngành, lĩnh vực xuất nhập khẩu có tiềm năng lợi thế trên địa bàn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Đổi mới tư duy, nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến xuất khẩu, đẩy nhanh quá trình đa dạng hóa thị trường. Bao gồm: Chú trọng việc ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số vào hoạt động xúc tiến xuất khẩu; đẩy mạnh phát triển xuất khẩu qua thương mại điện tử xuyên biên giới, hệ thống phân phối nước ngoài; Xây dựng các chương trình xúc tiến xuất khẩu dài hạn, hướng vào một mặt hàng/ thị trường trọng điểm cho tới khi đạt kết quả cụ thể; Tăng cường đào tạo kỹ năng cho cán bộ làm công tác xúc tiến xuất khẩu tại các cơ quan quản lý và doanh nghiệp;...

- Tăng cường công tác nghiên cứu, dự báo cập nhật các thay đổi về chính sách thương mại, quy định nhập khẩu, các rào cản phi thuế quan, các biện pháp phòng vệ thương mại,... nhất là tại các thị trường xuất khẩu chủ lực của tỉnh. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu chính thống về thông tin thị trường, mặt hàng, doanh nghiệp xuất nhập khẩu để cung cấp kịp thời cho các doanh nghiệp.

- Tăng cường hỗ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ đáp ứng các tiêu chuẩn, quy định của thị trường xuất khẩu, đáp ứng các quy tắc nguồn gốc xuất xứ để tận dụng có hiệu quả các FTA đã ký kết gắn với nâng cao năng lực cho các tổ chức chứng nhận sản phẩm đạt chuẩn mực quốc tế và được quốc tế thừa nhận. Hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng và phát triển thương hiệu; tiếp cận các nhà cung cấp, các thị trường, mặt hàng nhập khẩu; chủ động ứng phó và xử lý có hiệu quả các vụ việc điều tra phòng vệ thương mại của nước ngoài đối với hàng hóa xuất khẩu.

- Tham mưu xây dựng chính sách thúc đẩy xuất, nhập khẩu chính ngạch, theo hợp đồng đối với thương mại biên giới gắn với tăng cường kiểm tra, kiểm soát, chống gian lận thương mại.

- Tạo thuận lợi, ứng dụng hiệu quả số hóa trong việc giải quyết các thủ tục liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu như: Thủ tục thông quan, cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa xuất khẩu,...

1.4. Về phát triển thị trường trong nước.

- Rà soát, báo cáo tham mưu ban hành các chiến lược, kế hoạch, đề án phát triển thị trường nội địa, phát triển hệ thống phân phối bán lẻ trên địa bàn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Tập trung, huy động nguồn lực đầu tư, nâng cấp hạ tầng thương mại (chợ, siêu thị, trung tâm thương mại, hệ thống cửa hàng và kho chứa xăng dầu, trung tâm dịch vụ logistic, trung tâm hội chợ triển lãm) theo Quy hoạch tỉnh.

- Nghiên cứu, ban hành chính sách khuyến khích phát triển hạ tầng thương mại hiện đại, hệ thống siêu thị mini, cửa hàng tự chọn tại khu vực nông thôn, miền núi. Tập trung nâng cấp, cải tạo các chợ đã xuống cấp nghiêm trọng, chợ quá tải; di chuyển các chợ nhỏ, hẹp, cơ sở vật chất xuống cấp và các chợ có vị trí không phù hợp quy hoạch ra vị trí mới. Quyết liệt trong việc xóa bỏ các tụ điểm kinh doanh tự phát gây mất mỹ quan, ảnh hưởng đến an toàn giao thông, an toàn thực phẩm,...

- Tập trung hỗ trợ hình thành và phát triển các doanh nghiệp thương mại lớn có khả năng dẫn dắt thị trường, làm chủ hệ thống kho hàng, trung tâm logistic và nguồn cung ứng hàng hóa nhằm ổn định cung cầu thị trường. Hỗ trợ hình thành các doanh nghiệp, hợp tác xã thương mại, hộ kinh doanh trong lĩnh vực phân phối, thực hiện chuyển dịch hệ thống phân phối sang các loại hình phân phối hiện đại như siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng tiện lợi. Hình thành và phát triển các chuỗi cung ứng hàng hóa tiêu dùng trong nước, ưu tiên phát triển các chuỗi cung ứng hàng nông sản thực phẩm thiết yếu, nhằm giảm sự chồng chéo, giảm các khâu, đoạn trong hệ thống phân phối, nâng cao hiệu quả cho người sản xuất và người tiêu dùng.

- Xây dựng chương trình, kế hoạch,... phát triển thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh đến năm 2030 phù hợp với xu hướng phát triển kinh tế số và cam kết trong FTA.

- Tổ chức các hoạt động kết nối cung cầu giữa doanh nghiệp bán lẻ với các nhà sản xuất để nắm bắt đưa các sản phẩm của tỉnh vào hệ thống phân phối, bán lẻ của các tập đoàn, doanh nghiệp lớn; kết nối thu hút đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống phân phối xanh và tiêu dùng xanh, liên kết bền vững giữa sản xuất - phân phối - tiêu dùng.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả Kế hoạch số 371/KH-UBND ngày 06/7/2021 của UBND tỉnh thực hiện Quyết định số 194/QĐ-TTg ngày 09/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới phương thức kinh doanh tiêu thụ nông sản giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Nghệ An; Kế hoạch số 368/KH-UBND ngày 06/7/2021 của UBND tỉnh Nghệ An thực hiện Quyết định số 386/QĐ-TTg phê duyệt Đề án phát triển thị trường trong nước gắn với Cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam" giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

1.5. Hội nhập quốc tế về kinh tế.

- Tăng cường phổ biến kiến thức về hội nhập kinh tế quốc tế, hỗ trợ doanh nghiệp tìm kiếm thị trường xuất khẩu, tận dụng thời cơ từ các Hiệp định thương mại tự do.

- Triển khai hiệu quả các hiệp định thương mại tự do (FTAs) đã ký để tạo động lực phát triển xuất nhập khẩu dịch vụ bền vững; thực hiện Kế hoạch Hội nhập kinh tế quốc tế giai đoạn 2021-2025, hỗ trợ doanh nghiệp tìm kiếm thị trường xuất khẩu mới, có tiềm năng phát triển. Đồng thời duy trì hợp tác xuất khẩu vào các thị trường truyền thống.

- Đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế trên tất cả các mặt như bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, các vấn đề xã hội,... Chủ động, tích cực tham gia xây dựng và thực hiện kế hoạch hội nhập kinh tế quốc tế giai đoạn 2021-2025 và những năm tiếp theo.

- Xây dựng và tổ chức triển khai các Chương trình hành động, Kế hoạch hành động thực hiện các FTA và các cam kết, hợp tác về hội nhập để tập trung triển khai thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã thỏa thuận để hướng tới xuất nhập khẩu mang tính cân bằng hơn, đảm bảo thị trường ổn định, lâu dài.

2. Huy động hiệu quả các nguồn lực để thực hiện tái cơ cấu ngành Công Thương

2.1. Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác đầu tư.

- Tiếp tục cơ cấu lại đầu tư công trong lĩnh vực công thương theo hướng đầu tư có trọng tâm, trọng điểm nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư và phát huy vai trò dẫn dắt của đầu tư công. Ưu tiên đầu tư công các hạng mục công trình hỗ trợ phát triển kết cấu hạ tầng các KCN, CCN, các dự án lớn có sức lan tỏa.

- Thực hiện tốt công tác quản lý, cấp phép dự án đầu tư theo hướng ưu tiên lựa chọn thu hút đầu tư vào các ngành công nghiệp nền tảng như công nghiệp năng lượng, cơ khí chế tạo, điện tử, luyện kim, vật liệu xây dựng, phù hợp với thế mạnh của tỉnh. Ưu tiên đầu tư các dự án công nghiệp tiêu thụ ít năng lượng và có hiệu quả về kinh tế - xã hội. Không cấp phép đầu tư đối với các dự án sử dụng công nghệ lạc hậu, tiêu tốn nhiều năng lượng; khuyến khích tiêu thụ sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, nhất là trong công nghiệp, xây dựng, nông nghiệp và giao thông.

- Tăng cường thu hút, đa dạng hoá các nguồn lực tư nhân tham gia đầu tư vào các lĩnh vực phát triển nguồn điện và lưới điện đảm bảo đồng bộ; vào các dự án hạ tầng thương mại mang tính động lực như các trung tâm thương mại lớn của vùng. Đa dạng hóa nguồn vốn, các hình thức huy động vốn (vốn tín dụng ngân hàng, vốn viện trợ, thị trường chứng khoán, thị trường trái phiếu...) nhằm thu hút có hiệu quả các nguồn vốn trong và ngoài nước vào phát triển năng lượng, thương mại.

- Triển khai thu hút các nhà đầu tư chiến lược đến đầu tư tại tỉnh đến năm 2030 để tạo sự liên kết, hiệu ứng lan tỏa và gia tăng động lực cho các ngành, lĩnh vực như: Công nghiệp nền tảng, công nghiệp công nghệ cao, các dự

án đầu tư theo chuỗi giá trị, cụm ngành công nghiệp chuyên môn hóa. Kiên quyết không thu hút đầu tư các dự án công nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, phát thải cao.

- Xây dựng và ban hành danh mục các dự án kêu gọi đầu tư lĩnh vực công thương ưu tiên phát triển giai đoạn đến năm 2030.

- Tăng cường tổ chức các hội thảo xúc tiến, chương trình xúc tiến, thu hút đầu tư trong và ngoài nước các dự án đầu tư sản xuất công nghiệp; đặc biệt các dự án lĩnh vực công nghiệp ưu tiên phát triển.

- Xúc tiến các tập đoàn lớn, có thương hiệu đầu tư phát triển các ngành công nghiệp theo hướng hiện đại, thân thiện với môi trường, có giá trị gia tăng cao để tạo bước đột phá cho nền kinh tế.

- Xây dựng và triển khai các chương trình, kết nối các doanh nghiệp của tỉnh tham gia vào hệ thống các doanh nghiệp công nghiệp lớn, các doanh nghiệp FDI hoạt động trên địa bàn. Xây dựng và triển khai chương trình kết nối giữa các nhà cung cấp trong nước với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài để hình thành chuỗi cung ứng của ngành công nghiệp.

- Ưu tiên bố trí quỹ đất trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của các địa phương theo giai đoạn và hàng năm để thu hút, đầu tư các dự án công nghiệp, thương mại với quan điểm công nghiệp và thương mại là trụ cột tạo giá trị tăng trưởng của các địa phương và toàn tỉnh, góp phần phát triển kinh tế nhanh, bền vững và tạo việc làm cho người lao động.

2.2. Thực thi linh hoạt, hiệu quả các công cụ tài chính, tiền tệ.

- Đẩy mạnh ứng dụng hoạt động chuyển đổi số và thành tựu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư để nâng cấp, phát triển cơ sở hạ tầng thanh toán, dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt; đảm bảo an ninh, an toàn, bảo mật trong hoạt động và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ thanh toán.

- Rà soát, đơn giản hóa quy trình, thủ tục tiếp cận tài chính, tín dụng của các doanh nghiệp nhỏ và vừa từ các quỹ, chương trình, đề án về hỗ trợ, ưu đãi doanh nghiệp có các dự án đầu tư bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, kinh tế các bon thấp trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên.

- Phát triển các công ty công nghệ tài chính (fintech); các công ty/tổ chức tài chính trung gian nhằm tạo đột phá về cung cấp các dịch vụ tài chính hiệu quả hỗ trợ phát triển doanh nghiệp trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên của ngành Công Thương như đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, khởi nghiệp.

- Nghiên cứu, vận dụng có hiệu quả các chính sách tài chính, tín dụng ưu đãi, các chương trình mở rộng tín dụng khuyến khích đầu tư vào các ngành, lĩnh vực ưu tiên như công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp

môi trường, phát thải thấp, ...; các dự án đầu tư theo chuỗi giá trị toàn cầu, các dự án đầu tư theo cụm liên kết ngành công nghiệp, chuỗi cung ứng theo hệ thống phân phối, các dự án của doanh nghiệp khởi nghiệp, chuyển đổi số có tiềm năng xuất khẩu và xuất khẩu trực tiếp.

- Hoàn thiện hệ thống thanh toán không dùng tiền mặt, chứng từ điện tử, thương mại không giấy tờ nhằm hỗ trợ phát triển thương mại điện tử, thương mại xuyên biên giới và phát triển các mô hình kinh doanh mới trên nền tảng số.

- Ưu tiên tập trung bố trí các nguồn lực ngân sách và tranh thủ nguồn ngân sách hỗ trợ của Trung ương để đầu tư hoàn thiện hệ thống hạ tầng hạ tầng thiết yếu như: Hạ tầng giao thông kết nối các KCN, CCN; hệ thống xử lý nước thải tập trung, cảng biển, hệ thống logistics,... để phát triển công nghiệp - thương mại.

2.3. Phát triển mạnh mẽ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số nhằm tạo bứt phá trong nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của ngành.

- Xây dựng và hoàn thiện chính sách thúc đẩy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, công nghiệp sản xuất thông minh, các mô hình kinh doanh và sản phẩm, dịch vụ dựa trên nền tảng số, chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị,...

- Xây dựng các chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ gắn với mục tiêu phát triển ngành, nhu cầu đổi mới và nâng cấp công nghệ của doanh nghiệp, phát triển chuỗi giá trị của sản phẩm và tạo giá trị gia tăng cao. Ưu tiên triển khai các chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm về nâng cao năng suất, chất lượng trong các ngành công nghiệp; nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành công nghiệp nền tảng đáp ứng nhu cầu về tư liệu sản xuất cơ bản của nền kinh tế (cơ khí chế tạo, hóa chất, phân bón, vật liệu, công nghiệp hỗ trợ,...), công nghiệp môi trường, công nghiệp năng lượng, thương mại điện tử; phát triển các sản phẩm, dịch vụ số,...

- Đổi mới cơ chế quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo theo hướng tập trung vào kết quả, tạo thuận lợi và khuyến khích sự tham gia của các cá nhân, tổ chức vào hoạt động khoa học và công nghệ của ngành, đặc biệt là các doanh nghiệp; đẩy mạnh thực hiện cơ chế nhà nước đặt hàng. Có cơ chế khuyến khích phát triển quan hệ đối tác giữa các đơn vị nghiên cứu trong nước với các trường đại học và viện nghiên cứu uy tín trên thế giới để thúc đẩy đổi mới sáng tạo và nghiên cứu và phát triển. Đơn giản hóa và tăng cường khả năng tiếp cận các nguồn tài chính công (các quỹ hỗ trợ phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo,...) về phát triển khoa học công nghệ.

2.4. Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu nhân lực chất lượng cao cho thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đổi mới mô hình tăng trưởng ngành.

- Xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành Công Thương theo từng giai đoạn cụ thể. Ưu tiên đào tạo nâng cao năng lực, trình độ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động về chuyên đổi số, đổi mới sáng tạo, phát triển toàn diện, kinh tế tuần hoàn, kinh tế các bon thấp.

- Đổi mới tư duy phát triển ngành Công Thương nhằm xây dựng các chính sách phù hợp giữa định hướng phát triển, thực lực và thực tế của ngành.

- Tăng cường kết nối và đẩy mạnh hợp tác giữa cơ sở đào tạo nghề với doanh nghiệp; tạo điều kiện cho dạy và học hướng dẫn vào nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

- Tăng cường kết nối và đẩy mạnh hợp tác giữa cơ sở đào tạo nghề với doanh nghiệp, trong đó chú trọng đào tạo các ngành, nghề: Điện, điện tử, công nghệ thông tin, thiết kế, cơ khí, tự động hóa, công nghệ ô tô, năng lượng mới, vật liệu mới,... Khuyến khích doanh nghiệp tự đào tạo đội ngũ doanh nhân, cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, công nhân lành nghề để làm chủ các công nghệ được chuyển giao. Thường xuyên tổ chức các chương trình tập huấn đào tạo cho doanh nghiệp; hỗ trợ khởi nghiệp, đào tạo nâng cao kỹ năng quản trị cho cán bộ quản lý doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa. Tăng cường hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực cho công nghiệp hỗ trợ. Chú trọng đào tạo nghề tiêu thủ công nghiệp cho lao động nông thôn.

- Chú trọng chính sách tiền lương, môi trường làm việc và hỗ trợ về nhà ở, đất ở cho lao động kỹ thuật cao.

2.5. Nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp.

- Triển khai Đề án hỗ trợ kết nối, liên kết hợp tác giữa doanh nghiệp của tỉnh với doanh nghiệp FDI từng bước tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu. Xây dựng và triển khai các chương trình kết nối giữa các doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp FDI, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp đầu chuỗi và các tập đoàn đa quốc gia có chiến lược nội địa hóa, tiếp cận các nhà cung cấp sản phẩm công nghệ hỗ trợ trong nước, tăng cường chia sẻ kiến thức. Khuyến khích các doanh nghiệp nước ngoài tiến hành đào tạo tại chỗ thường xuyên và liên tục để nâng cao trình độ chuyên môn kỹ thuật cho lực lượng lao động trong nước tiếp thu các mô hình quản trị, phương thức kinh doanh tiên tiến. Xây dựng và phát triển mạng lưới các nhà sản xuất nhỏ và vừa trong nước kết nối với các tập đoàn công nghiệp lớn, các doanh nghiệp FDI.

- Đẩy mạnh hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh đẩy nhanh chuyển đổi số, đặc biệt là trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên như thương mại điện

từ, dệt may, da giày, thực phẩm,...; triển khai các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa cải tiến công nghệ; áp dụng các mô hình quản trị, sản xuất hiện đại, bền vững, tuần hoàn và ít phát thải nhằm nâng cao năng suất, chất lượng phát triển bền vững; nâng cao khả năng đáp ứng các quy định, tiêu chuẩn về môi trường, có trách nhiệm xã hội, lao động của các thị trường xuất khẩu cho doanh nghiệp.

3. Cải cách tổ chức bộ máy theo hướng đẩy mạnh phân cấp phân quyền; thực thi chính phủ điện tử nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý, điều hành

3.1. Kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước của ngành Công Thương.

- Thực hiện nghiêm túc hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về công thương thuộc UBND tỉnh và UBND cấp huyện phù hợp với quy định mới về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của ngành Công Thương.

- Hoàn thiện bộ máy, chức năng nhiệm vụ của đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn, có cơ cấu hợp lý, có năng lực tự chủ, quản trị tiên tiến, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Đẩy mạnh việc chuyển giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho đơn vị sự nghiệp công lập. Phát triển thị trường dịch vụ sự nghiệp công và thu hút mạnh mẽ các loại hình kinh tế tham gia cung cấp dịch vụ công, chuyên đổi cung cấp trực tiếp dịch vụ công sang phương thức đặt hàng.

- Xây dựng triển khai quy chế phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan quản lý nhà nước ngành Công Thương và cơ quan chức năng liên quan.

3.2. Cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và số hóa công tác quản lý của ngành công thương.

- Nghiên cứu, ban hành các chính sách và giải pháp hỗ trợ chuyển đổi số ngành Công Thương, đẩy mạnh triển khai Chính phủ điện tử của ngành Công Thương.

- Nghiên cứu, đề xuất xây dựng chính sách khuyến khích, hỗ trợ tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp được tiếp cận và nhập khẩu công nghệ từ nước ngoài trong đó ưu tiên các dự án về công nghiệp hỗ trợ.

- Nâng cao chất lượng thực hiện cơ chế một cửa liên thông hiện đại, đưa vào thực hiện các hình thức liên thông trong hầu hết các lĩnh vực.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong việc cung cấp các chủ trương, chính sách, quy hoạch, dự án,... cho doanh nghiệp, người dân.

4. Tăng cường công tác bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, thực hiện tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng toàn diện và phát triển bền vững

- Tập trung tuyên truyền nâng cao ý thức, nhận thức về công tác bảo vệ môi trường, đẩy mạnh công tác bảo vệ môi trường trong các hoạt động sản xuất kinh doanh không gây ô nhiễm, cải thiện môi trường và bảo tồn thiên nhiên;

tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn môi trường về xử lý chất thải lỏng, chất thải khí và chất thải rắn; quản lý tốt công tác thu hồi, thu gom phục vụ tái chế, tái sử dụng các loại chất thải trong phân phối hàng hoá.

- Tăng cường quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; phối hợp chặt chẽ giữa công tác kiểm tra, thanh tra của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường với hoạt động đấu tranh phòng chống tội phạm môi trường; phát huy vai trò giám sát của cộng đồng để chủ động nắm bắt tình hình và kiểm tra, giám sát việc xây dựng hệ thống xử lý chất thải ngay từ khi quy hoạch.

- Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về môi trường; thường xuyên tiến hành việc đánh giá hiện trạng môi trường đối với các KCN, CCN, các cơ sở sản xuất hiện có, đồng thời có biện pháp xử lý kịp thời đối với các doanh nghiệp vi phạm về môi trường; chú trọng phát triển các dịch vụ bảo vệ môi trường.

- Tập trung đầu tư xây dựng và hoàn thành hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường tại các KCN, CCN đã đi vào hoạt động; hoàn thiện đồng bộ hạ tầng xử lý môi trường kết nối chung KCN, CCN.

5. Nâng cấp, hoàn thiện hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quản lý ngành, tăng cường công tác thông tin và chia sẻ thông tin; nâng cao năng lực và nhận thức cho các bên liên quan về tái cơ cấu ngành Công Thương

- Thực hiện xây dựng, chuẩn hóa, số hóa cơ sở dữ liệu ngành Công Thương để tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị. Thực hiện đồng bộ hóa hệ thống cơ sở dữ liệu với Bộ Công Thương và các địa phương để đảm bảo thống nhất dữ liệu của ngành Công Thương Nghệ An với hệ thống dữ liệu quốc gia, phục vụ cho công tác quản lý nhà nước, theo dõi, giám sát và hoạch định chính sách phát triển ngành Công Thương.

- Cập nhật thông tin và đồng bộ hóa Cổng thông tin điện tử về Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu như: Thông tin về thị trường, mặt hàng, doanh nghiệp, các nhà cung cấp, các nhà phân phối, các tổ chức hỗ trợ xuất khẩu, các cam kết thương mại,...; thông tin cảnh báo về các biến động thị trường xuất nhập khẩu,... phục vụ tra cứu của doanh nghiệp và cơ quan quản lý, kết nối kinh doanh cho các doanh nghiệp. Xây dựng và phổ biến các cẩm nang hướng dẫn xuất nhập khẩu theo thị trường, mặt hàng; tuyên truyền thực hiện thương mại điện tử xuất nhập khẩu xuyên biên giới.

- Đẩy mạnh các hoạt động thông tin, tuyên truyền; tổ chức tập huấn, đào tạo, nâng cao năng lực cho cán bộ, doanh nghiệp, các hiệp hội, tổ chức hỗ trợ công nghiệp, thương mại về tái cơ cấu ngành Công Thương; xây dựng các bộ tài liệu hướng dẫn về thực hiện tái cơ cấu ngành Công Thương.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Công Thương

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện Kế hoạch; tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện hàng năm, báo cáo UBND tỉnh đề xuất sửa đổi, bổ sung Kế hoạch khi cần thiết; kịp thời tham mưu UBND tỉnh báo cáo Chính phủ, Bộ Công Thương, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh đảm bảo nội dung, thời gian quy định.

- Chủ trì phối hợp với các sở ngành, địa phương tham mưu UBND tỉnh kịp thời xử lý tháo gỡ khó khăn vướng mắc của nhà đầu tư, doanh nghiệp ngành Công Thương liên quan đến hoạt động đầu tư, sản xuất và kinh doanh để thúc đẩy phát triển ổn định và bền vững cho ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy mạnh triển khai hiệu quả các chính sách, chương trình, đề án, kế hoạch của ngành Công Thương giai đoạn đến năm 2030: Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 23/12/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Nghệ An về phát triển nhanh và bền vững ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp giai đoạn 2021 - 2030; Đề án phát triển công nghiệp hỗ trợ tỉnh Nghệ An đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030,... các phương án phát triển công nghiệp, năng lượng, thương mại, xuất nhập khẩu đã được tích hợp trong Quy hoạch tỉnh.

- Chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư; các sở ngành liên quan nghiên cứu đề xuất, tham mưu UBND tỉnh các cơ chế chính sách hỗ trợ, ưu đãi đầu tư của tỉnh về lĩnh vực công nghiệp ưu tiên phát triển trên địa bàn tỉnh; các chương trình, đề án nhằm tạo phát triển đột phá cho ngành Công Thương trong giai đoạn đến 2030.

- Xây dựng, trình UBND tỉnh ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về Công Thương phù hợp với quy định mới về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương và tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả.

- Tập trung triển khai thực hiện tốt công tác cải cách hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh trong lĩnh vực Công Thương trên địa bàn gắn với đẩy mạnh áp dụng chuyển đổi số trong cung cấp các dịch vụ công được phân công.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương; các sở, ngành, địa phương thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp liên quan đến đầu tư; đồng thời phối hợp các sở, ngành cấp tỉnh và địa phương xúc tiến đầu tư phát triển các dự án đáp ứng các tiêu chí về kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh.

- Chủ trì tham mưu tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền giao kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm từ ngân sách nhà nước cho các sở, ngành, địa phương để thực hiện các nhiệm vụ có liên quan theo Kế hoạch.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương rà soát, lựa chọn các dự án công nghiệp, thương mại đưa vào Chương trình xúc tiến đầu tư hàng năm của

tình; tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến các dự án, tạo điều kiện thuận lợi để đưa các dự án sớm đi vào hoạt động.

- Tham mưu ban hành, thực hiện hiệu quả các chính sách hỗ trợ ưu đãi đầu tư, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa nhằm hỗ trợ các cơ sở sản xuất đầu tư phát triển sản xuất, nâng cao năng lực sản xuất, kinh doanh.

- Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Công Thương bố trí, huy động nguồn vốn đầu tư cho việc thực hiện Kế hoạch.

3. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương cân đối tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí chi thường xuyên trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm để triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch thuộc phạm vi chi từ ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành và quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, xuất xứ hàng hóa; chống hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng; hoạt động quản lý về công nghệ; đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học; ứng dụng các công nghệ tiên tiến, hiện đại, công nghệ xanh vào sản xuất và đời sống.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì phối hợp với các sở, ngành và địa phương liên quan căn cứ Phương án phát triển các KCN, CCN được tích hợp vào Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 -2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt để rà soát cập nhật vào Kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh kịp thời, đảm bảo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về đất đai, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu theo quy định.

6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì phối hợp với các sở, ngành, địa phương tham mưu xây dựng các vùng nguyên liệu tập trung trên địa bàn tỉnh, phục vụ cho phát triển sản xuất công nghiệp chế biến nông, lâm sản.

- Phối hợp với các ngành, địa phương xây dựng Đề án phát triển nông nghiệp công nghệ cao gắn với công nghiệp chế biến và thị trường; triển khai các giải pháp đẩy nhanh tiến độ thành lập Khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao vùng Bắc Trung Bộ để khai thác tiềm năng và dư địa của lĩnh vực chế biến gỗ và xuất khẩu lâm sản góp phần tăng nhanh kim ngạch xuất khẩu cho địa phương.

- Phối hợp với Sở Công Thương thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về phát triển ngành công nghiệp chế biến thực phẩm, sản xuất phân bón, hóa chất bảo vệ thực vật, phát triển sản lượng, chất lượng nông sản hàng hóa; phát triển thị trường cho các sản phẩm của ngành nông nghiệp.

7. Sở Xây dựng

- Tổ chức thực hiện công tác quản lý về quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh theo phân cấp tại Quyết định số 62/2022/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của UBND tỉnh để thực hiện quy hoạch phát triển KCN, CCN trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược phát triển vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Nghệ An, giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3089/QĐ-UBND ngày 27/9/2023.

8. Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam

- Đẩy mạnh xúc tiến, thu hút các nhà đầu tư hạ tầng trong Khu kinh tế Đông Nam, các KCN; tập trung nguồn lực để triển khai đầu tư xây dựng hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật và hệ thống xử lý nước thải tập trung tại các KCN, khu kinh tế phục vụ nhu cầu đầu tư phát triển ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh, tạo động lực để tăng trưởng kinh tế trong giai đoạn mới.

- Phối hợp với các sở, ngành rà soát, tham mưu bổ sung, triển khai các cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư nhằm tạo điều kiện và khuyến khích các nhà đầu tư trong và ngoài nước vào đầu tư phát triển tại Khu kinh tế Đông Nam, các KCN trên địa bàn tỉnh nhằm đẩy nhanh quá trình tái cơ cấu ngành Công Thương giai đoạn đến năm 2030.

- Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng đảm bảo có mặt bằng sạch để thu hút các nhà đầu tư. Tiếp tục rà soát và kiên quyết thu hồi các dự án đầu tư không có khả năng triển khai, chậm triển khai tạo môi trường đầu tư, cơ hội cho các nhà đầu tư có năng lực thực hiện đầu tư.

9. Các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương; các địa phương xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành Công Thương theo từng giai đoạn cụ thể. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao có kiến thức, kỹ năng và trách nhiệm nghề nghiệp theo hướng ứng dụng, thực hành bảo đảm đáp ứng nhu cầu nhân lực kỹ thuật công nghệ của thị trường lao động.

10. Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh

- Thực hiện tốt công tác xúc tiến đầu tư; tích cực hỗ trợ, cung cấp thông tin cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư tiếp cận các nguồn lực đầu tư, các chương trình ứng dụng khoa học công nghệ mới vào hoạt động sản xuất, kinh doanh. Hỗ trợ các doanh nghiệp xây dựng thương hiệu và mở rộng thị trường, tham gia vào các chuỗi giá trị.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình xúc tiến thương mại; tập trung nguồn lực cho các hoạt động xúc tiến thương mại chuyên sâu, có tính dài hạn. Phối hợp, lồng ghép các nguồn lực hỗ trợ hoạt động xúc tiến thương mại từ Trung ương đến địa phương nhằm tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại gắn với xây dựng và phát triển thương hiệu cho doanh nghiệp. Đẩy mạnh các hoạt động liên kết, phối hợp giữa các tổ chức xúc tiến thương mại.

11. Ngân hàng Nhà nước – Chi nhánh tỉnh Nghệ An

Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương và các sở, ngành, địa phương thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về tiền tệ, tín dụng.

12. UBND các huyện, thành phố, thị xã

- Căn cứ các nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp thực hiện của Kế hoạch này, xây dựng kế hoạch (hoặc chương trình, đề án) Tái cơ cấu ngành Công Thương giai đoạn đến 2030 trên địa bàn để triển khai thực hiện. Bố trí nguồn ngân sách địa phương và huy động các nguồn lực để tổ chức triển khai thực hiện. Phối hợp với Sở Công Thương, các sở, ngành liên quan trong tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo Kế hoạch.

- Tập trung ưu tiên giải quyết dứt điểm, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc liên quan thủ tục đền bù, giải phóng mặt bằng các dự án đầu tư trong CCN; Hàng năm bổ sung kế hoạch sử dụng đất cho các dự án phát triển công nghiệp và thương mại.

13. Các sở, ban ngành, đơn vị liên quan: Căn cứ chức năng nhiệm vụ, chủ động phối hợp thực hiện kịp thời các nội dung công việc liên quan.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành Công Thương giai đoạn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Nghệ An. UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban ngành; UBND các huyện, thành phố, thị xã và các đơn vị liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện; xây dựng báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch về Sở Công Thương trước ngày 15 tháng 11 hàng năm để tổng hợp báo cáo Bộ Công Thương, UBND tỉnh theo quy định. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc những vấn đề mới, phát sinh cần bổ sung, điều chỉnh, các đơn vị kịp thời báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Công Thương) để được hướng dẫn, xử lý. /.

Nơi nhận: *AD*

- Bộ Công Thương;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban ngành, đơn vị cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Ngân hàng Nhà nước – CN tỉnh Nghệ An;
- Công ty Điện lực Nghệ An;
- Đài PT&TH Nghệ An, Báo Nghệ An;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Chánh VP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, CN (TP, T.Tr).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Hồng Vinh

PHỤ LỤC
BỘ TIÊU CHÍ GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN TÁI CƠ CẤU NGÀNH CÔNG
THƯƠNG GIAI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NGHỆ AN
(Kèm theo Kế hoạch số 336 /KH-UBND ngày 03 tháng 5 năm 2024 của UBND tỉnh Nghệ An)

TT	Chỉ tiêu	2021 - 2025	2021 - 2030	Cơ quan đầu mối theo dõi, báo cáo
I	Về phát triển công nghiệp: 05 chỉ tiêu			
1.	Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp bình quân/năm	16,5 - 17%	17 - 18%	Sở Công Thương
2.	Tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng bình quân/năm	13,5 - 14,5%	14 - 15%	Sở Công Thương
3.	Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng trong GRDP	39 - 40%	42 - 42,5%	Sở Công Thương
4.	Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRPD	17 - 18%	Trên 24%	Sở Công Thương
5.	Tỷ lệ CCN đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	70%	100%	Sở Công Thương
II	Về phát triển năng lượng: 04 chỉ tiêu			
1.	Tổng công suất của các nguồn điện		2800MW-3200MW	Sở Công Thương
2.	Tỷ lệ các nguồn năng lượng tái tạo trong tổng cung năng lượng sơ cấp		15 - 20% năm 2030	Sở Công Thương
3.	Các cơ sở lọc dầu đáp ứng nhu cầu trong nước	trên 70%	trên 70%	Sở Công Thương
4.	Giảm mức tiêu hao năng lượng tính trên GDP hằng năm	1 - 1,5%	1 - 1,5%	Sở Công Thương
III	Về phát triển xuất nhập khẩu: 02 chỉ tiêu			
1.	Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu hàng hóa bình quân/năm	27,2%	22,3%	Sở Công Thương
2.	Tỷ trọng nhóm hàng công nghiệp chế biến trong tổng kim ngạch xuất khẩu	90% năm 2025	95% năm 2030	Sở Công Thương
IV	Về phát triển thị trường trong nước: 04 chỉ tiêu			
1.	Tốc độ tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng bình quân/năm (chưa loại trừ yếu tố giá)	11-12%	11-12%	Sở Công Thương
2.	Tỷ trọng tổng mức bán lẻ hàng hoá theo loại hình thương mại hiện đại	35 - 40% năm 2025	38 - 42% năm 2030	Sở Công Thương
3.	Phần đầu Tỷ trọng doanh số thương mại điện tử B2C (tính cho cả hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng trực tuyến) so với tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	8-10% vào năm 2025	11-13% vào năm 2030	Sở Công Thương